TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2022/DS-PT
Ngày 11 – 5 – 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 336/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 530/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp T, xã T A, huyện C, tỉnh Hậu Giang, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 08/02/2016): Ông Lê Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt);*

- *Bị đơn:*

1. Ông Lương Văn M, sinh năm 1960, *(vắng mặt);*

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1965, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà H (theo Giấy ủy quyền ngày 05/01/2022): Bà Lương Kim N, sinh năm 1990, *(có mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: Ông Nguyễn Nhật Tuấn – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Phú Vinh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1980, *(vắng mặt);*

2. Ông Lê Quốc T, sinh năm 1998, *(vắng mặt);*

3. Ông Lê Văn N, sinh năm 1973, *(vắng mặt);*

4. Trẻ Lê Thị Bích T, sinh năm 2003;

5. Trẻ Lê Văn Vũ D, sinh năm 2008;

Người đại diện hợp pháp của trẻ T và D: Ông Lê Văn N, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ.

6. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu vực 3, phường H, quận C, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt)*.

7. Ủy ban nhân dân huyện P, Thành phố Cần Thơ, *(xin vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, Thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn Q trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Tám (mẹ ông Q) sinh sống từ nhỏ đến khi mất. Bà Tám là người đại diện cho hộ gia đình đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/11/2006 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.137m^2, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ. Phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 1.420m^2. Trên phần đất có ngôi chùa do bà Tám và nguyên đơn xây dựng, sửa chữa từ năm 1975 cho đến nay. Bà Tám chết năm 2007, ông Lê Văn Bảy (cha của ông Q) chết năm 2000. Bà Tám có 01 người con nuôi tên Nguyễn Thị H2 và con ruột là ông. Khi ông làm thủ tục chuyển quyền thừa kế cho con ông là ông Lê Văn N thì bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H ngăn cản, tranh chấp toàn bộ thửa đất trên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu bị đơn ông M, bà H phải trả lại phần đất tranh chấp để nguyên đơn thực hiện các thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Văn M trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn Tình (ông nội của ông M) cho bác ông là Huỳnh Văn Tư dựng chùa tu hành. Năm 1952, ông Tư chết, năm 1965 thì ông Tình cũng qua đời. Phần đất này ông Huỳnh Văn Tấn (cha ông M) tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1972 thì ông Tấn xây dựng am, năm 2009 xây dựng ngôi chùa. Đến năm 2011, ông xin giấy phép sửa chữa chùa có 42 người dân địa phương xác nhận. Năm 1995, Nhà nước có chính sách đăng ký quyền sử dụng đất, ông đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nhưng không đăng ký quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp mà khoanh ô để đó, sau này sẽ giao cho giáo hội phật giáo. Năm 1978, cha ông có cho bà Tám cất nhà ở phụ việc trong chùa. Đến năm 2006 thì bà Tám tự ý đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2016 thì ông mới biết bà Tám được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tám là không đúng quy định của pháp luật nên bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Tám, để ngôi chùa được giao cho giáo hội phật giáo quản lý.

- *Bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:* Bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Lương Văn M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N và bà Trần Thị Phấn trình bày:* Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 02/4//2021, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q.

Giao cho nguyên đơn ông Lê Văn Q được quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.420m^2, thửa số 384, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ. Ông Q cùng với những người thừa kế của bà Huỳnh Thị Tám được liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giao ngôi am trên phần đất tại thửa số 384, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ cho các người thừa kế của bà Tám tiếp tục quản lý nhưng không được ngăn cản bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H cúng viếng.

(Đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 273-2017 ngày 23/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 705763 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 09/11/2006 cho hộ bà Huỳnh Thị Tám đối với thửa đất số 384, diện tích qua đo đạc là 1.420m^2, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2021, bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H có đơn kháng toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H, có người đại diện theo ủy quyền là bà Lương Kim N tham gia phiên tòa trình bày, ông M và bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và việc thu thập chứng cứ của vụ án chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M và bà H trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì trong vụ án này các đương sự không tranh chấp chùa và đất chùa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết là vượt quá phạm vi yêu cầu của các đương sự. Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng Mảnh trích đo địa chính số 273-2017 ngày 23/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P để giải quyết vụ án là không hợp lệ, vì Mảnh trích đo này được ký duyệt trước 01 năm so với thời điểm đo đạc nên không thể lấy làm chứng cứ. Mảnh trích đo địa chính số 273-2017 ngày 23/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P cũng không thể hiện trên đất có chùa, am, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định trên đất có ngôi am và quyết định giao ngôi am cho nguyên đơn là không có cơ sở.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ của vụ án: Diện tích đất tranh chấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị Tám nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hộ bà Tám

gồm những ai. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp là di sản thừa kế của bà Tám nhưng cũng không làm rõ hàng thừa kế của bà Tám là những người nào. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Công văn trả lời của UBND huyện P để xác định diện tích đất thực tế tăng thêm 283m^2 so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ bà Tám là do sai số đo đạc bằng phương pháp thủ công trước đây, trong khi gia đình bị đơn ông M có bơm cát, cải tạo đất làm tăng thêm diện tích đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ. Thêm nữa, Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tám là không đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức giữ gìn, cải tạo đất của bị đơn ông M, bà H.

Do Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và chưa thu thập đầy đủ những chứng cứ nêu trên mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông M và bà H, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Bị đơn ông M, bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới đủ căn cứ làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông M, bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nguyên đơn ông Lê Văn Q cùng người

đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Lê Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] *Về tố tụng:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất số 384, tờ bản đồ số 05, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ, là tài sản của cụ Huỳnh Văn Tình và cụ Nho (cha mẹ ông Huỳnh Văn Tấn và bà Huỳnh Thị Tám) chết để lại (sau đây gọi tắt là thửa đất số 384). Cụ Tình và cụ Nho chết không để lại di chúc phân chia tài sản.

[2.2] Ngày 09/11/2006, UBND huyện P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 705763 ngày 09/11/2006 cho hộ bà Huỳnh Thị Tám đối với thửa đất số 384 có diện tích là 1.137m^2. Qua đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính số 273-2017 ngày 23/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thì thửa đất số 384 có diện tích là 1.420m^2, tăng lên diện tích 283m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Tám. Vấn đề này đã được UBND huyện P trả lời tại Công văn số 700/UBND-NC ngày 23/5/2018 là do sai số đo đạc tính diện tích bằng phương pháp thủ công trước đây.

[2.3] Trong quá trình tham gia giải quyết vụ án, ông Lương Văn M cho rằng, ông Huỳnh Văn Tấn (cha ông M) là người quản lý, sử dụng và đến năm 1972 đã xây dựng am trên thửa đất số 384, đến năm 2009 thì xây dựng ngôi chùa. Năm 1995, Nhà nước có chính sách đăng ký quyền sử dụng đất, ông đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nhưng không đăng ký quyền sử dụng đất phần đất tranh chấp mà khoanh ô để đó, sau này sẽ giao cho giáo hội phật giáo. Năm 1978, cha ông có cho bà Tám cất nhà ở phụ việc trong chùa. Đến năm 2006 thì bà Tám tự ý đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2016 thì ông mới biết bà Tám được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tám là không đúng quy định của pháp luật nên ông M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ

bà Huỳnh Thị Tám, để ngôi chùa được giao cho giáo hội phật giáo quản lý. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;

[2.3a] Hồ sơ vụ án thể hiện, toàn bộ thửa đất số 384 đã do bà Tám sử dụng từ năm 1975. Quá trình sử dụng, bà Tám đã đăng ký kê khai và được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/11/2006. Sau khi bà Tám chết thì ông Lê Văn Q (là con bà Tám) cùng gia đình tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất số 384. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và ghi nhận các tài sản trên thửa đất 384 gồm có nhà, cây trồng đều do gia đình bà Tám, ông Q xây dựng và quản lý, sử dụng.

[2.3b] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M, bà H có cung cấp tài liệu và cho rằng, trên thửa đất 384 có tồn tại ngôi chùa do ông Huỳnh Văn Tự xây dựng để tu hành từ năm 1935 để lại; đến năm 1972 ông M xin phép sửa chữa chùa có 42 người dân xác nhận. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có ngôi am tồn tại trên thửa đất 384, các đương sự thừa nhận có từ lâu đời, tại Công văn của phòng Nội vụ xác định am do đương sự tự xây dựng chưa thông qua cơ quan có thẩm quyền, nên trình bày của phía bị đơn cho rằng trên thửa đất số 384 có chùa, là đất ông M khoanh ô để cho chùa, là không có cơ sở.

[2.3c] Tại Sổ mục kê ruộng đất 07/4/1997 thể hiện, cùng thời điểm bà Huỳnh Thị Tám đăng ký thửa đất số 384, thì ông Huỳnh Văn Tấn đăng ký thửa đất số 382 và thửa đất số 385. Sau đó, cùng thời điểm vào năm 2006, ông Tấn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 382 và 385, còn bà Tám thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 384. Trong suốt quá trình kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tám và ông Tấn nêu trên đều không có ai có ý kiến thắc mắc, cản trở hoặc khiếu nại, tranh chấp. Tại Công văn số 700/UBND-NC ngày 23/5/2018, UBND huyện P xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Tám đối với thửa đất số 384 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.3d] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định việc UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 705763 ngày 09/11/2006 cho hộ bà Huỳnh Thị Tám đối với thửa số 384, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ, là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông M cho rằng, thửa đất số 384 do ông Tấn quản lý đến năm 1978 cho bà Tám cất nhà ở phụ việc trong chùa, năm 2006 bà Tám tự ý đăng ký quyền sử dụng đất, là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông M và bà H yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng do UBND huyện P đã cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Tám đối với thửa đất số 384 là có căn cứ.

[3] Hiện nay bà Huỳnh Thị Tám đã chết, những người thừa kế của bà Tám là ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị H2. Tuy nhiên, bà H2 đã có ý kiến từ chối và không yêu cầu nhận di sản của bà Tám. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao nguyên đơn Lê Văn Q được quản lý, sử dụng thửa đất số 384, là đúng. Đối với ngôi am tồn tại trên thửa đất 384, các đương sự thừa nhận có từ lâu đời, hiện đang thờ cúng ông, bà; tại Biên bản hòa giải ngày 29/7/2016 tại UBND xã T thì phía bị đơn thừa nhận không tranh chấp gì, *"chỉ yêu cầu gia đình ông Nhân để cho gia đình bà H tự do cúng kiến và đi lại ra đất phía sau của bà H"*; nên Tòa án cấp sơ thẩm giao ngôi am cho những người thừa kế của bà Tám tiếp tục quản lý, duy trì đồng thời không được ngăn cản bị đơn đến cúng viếng, là phù hợp.

[4] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H do không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ:

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 155, 160, 163, 166, 246 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q.

Giao cho nguyên đơn ông Lê Văn Q được quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.420m^2, thửa số 384, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ. Ông Q cùng với nững người thừa kế của bà Huỳnh Thị Tám được liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giao ngôi am trên phần đất tại thửa số 384, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ cho các người thừa kế của bà Tám tiếp tục quản lý nhưng không được ngăn cản bị đơn ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H cúng viếng.

(Đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 273-2017 ngày 23/8/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 705763 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 09/11/2006 cho hộ bà Huỳnh Thị Tám đối với thửa đất số 384, diện tích qua đo đạc là 1.420m^2, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Phía nguyên đơn đã nộp xong nên bị đơn ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn Q số tiền là 4.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Q được nhận lại 3.411.000 đồng theo Biên lai thu số 004797 ngày 27/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Ông Lương Văn M, bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền 300.000 đồng ông M, bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 004897 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P sang thành án phí.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lương Văn M và bà Huỳnh Thị H, mỗi đương sự phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng; nhưng được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm

ứng án phí dân sự phúc thẩm ông M và bà H đã nộp chung tại Biên lai thu số 000257 ngày 13/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ; ông M và bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
– TAND Thành phố Cần Thơ;
– VKSND Thành phố Cần Thơ;
– Cục THADS Thành phố Cần Thơ;
– Các đương sự (6);
– Lưu: hồ sơ (1),VP (6), 18b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh